

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG HÀN BẬC 4 (TƯƠNG ĐƯƠNG TOPIK 4)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Hàn bậc 4 (Tương đương Topik 4)

Ngày kiểm tra: 22/3/2025

Phòng kiểm tra: H4.PT01

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng: 08:00 - 11:00 (Nghe - Đọc hiểu - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.THB4.01.001	181A150284	Châu Nhut Lan	Anh	25/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.THB4.01.002	181A150156	Huỳnh Lan	Anh	14/05/2000	Bình Thuận		
3	VHU.THB4.01.003	201A150208	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Anh	21/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.THB4.01.004	181A150269	Lê Thị Ngọc	Ánh	10/11/1999	Thanh Hóa		
5	VHU.THB4.01.005	191A150052	Bùi Trương Thị Thùy	Dương	24/6/2001	Tây Ninh		
6	VHU.THB4.01.006	201A150063	Huỳnh Thị Khánh	Đoan	20/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.THB4.01.007	201A150022	Trương Nguyễn Tú	Hào	10/03/2002	An Giang		
8	VHU.THB4.01.008	191A150144	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	02/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.THB4.01.009	201A150177	Nguyễn Ngọc	Hân	14/09/2002	An Giang		
10	VHU.THB4.01.010	201A150113	Hồ Thị Thu	Huyền	11/06/2002	Ninh Thuận		
11	VHU.THB4.01.011	191A150158	Nguyễn Mai	Hương	03/10/1999	Quảng Ngãi		
12	VHU.THB4.01.012	201A150003	Bùi Thị Thu	Lâm	19/04/2002	Bình Dương		
13	VHU.THB4.01.013	171A150032	Nguyễn Thị	Lệ	11/10/1999	Bắc Giang		
14	VHU.THB4.01.014	201A150009	Trần Văn	Long	26/12/2000	Bạc Liêu		
15	VHU.THB4.01.015	191A150046	Võ Nguyễn Minh	Luân	02/01/2001	Long An		
16	VHU.THB4.01.016	201A150046	Nguyễn Thị Trà	Mi	31/10/2002	Tây Ninh		
17	VHU.THB4.01.017	181A150168	Ngô Thị Tinh	Ngọc	30/07/2000	Cần Thơ		
18	VHU.THB4.01.018	201A150190	Nguyễn Đạt Thanh	Nhi	28/08/2002	Tây Ninh		
19	VHU.THB4.01.019	201A150209	Ka'	Nhim	24/01/2002	Lâm Đồng		
20	VHU.THB4.01.020	191A150021	Trương Thị Kiều	Oanh	29/08/2001	Tiền Giang		
21	VHU.THB4.01.021	181A150246	Hồ Thị Thanh	Phương	08/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.THB4.01.022	191A150131	Nguyễn Ngọc	Phương	06/09/2001	Cần Thơ		

23	VHU.THB4.01.023	201A150059	Trần Thị Tố	Quyên	06/06/2002	Tây Ninh		
24	VHU.THB4.01.024	201A150103	Hoàng Thị Ngân	Quỳnh	15/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.THB4.01.025	201A150008	Trần Phước	Sang	09/11/2002	Trà Vinh		
26	VHU.THB4.01.026	201A150064	Nguyễn In	Su	05/02/2002	Bình Thuận		
27	VHU.THB4.01.027	201A150051	Trần Lê Diễm	Sương	30/05/2002	Thành Phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.THB4.01.028	201A150165	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	08/03/2002	Ninh Thuận		
29	VHU.THB4.01.029	181A150006	Phan Vũ Anh	Tuấn	13/08/1996	Đồng Nai		
30	VHU.THB4.01.030	191A150094	Nguyễn Ngọc	Tuyền	11/03/2001	Tây Ninh		
31	VHU.THB4.01.031	201A150053	Đoàn Phương	Thảo	13/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.THB4.01.032	191A150079	Phạm Vy	Thảo	04/07/2001	Bình Dương		
33	VHU.THB4.01.033	191A150048	Võ Ngọc Anh	Thi	03/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.THB4.01.034	161A150265	Nguyễn Trần Thanh	Thuý	16/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.THB4.01.035	201A150169	Huỳnh Nguyễn Bích	Thủy	29/04/2002	Bình Thuận		
36	VHU.THB4.01.036	191A150003	Y Lệ	Trân	30/07/2000	Kon Tum		
37	VHU.THB4.01.037	181A030613	Nguyễn Thị Hải	Yến	11/07/2000	Đồng Nai		

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã kí)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết